

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16/3/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Minh Nguyệt**;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Nguyễn Văn Trâm**;

**Bà Huỳnh Thị Ngọc Thuận**;

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Cẩm Loan** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang không tham gia.*

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 778/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2021, giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp ĐH, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

*\* Bị đơn:* Anh **Nguyễn Phong Q**, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh Q sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến đầu năm 2017 thì có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp. Nguyên nhân chính là do anh Q có tính gia trưởng và ngược

đãi Chị H. Chị H và anh Q đã nhiều lần hòa giải với nhau mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, hiện tại Chị H và anh Q đã sống ly thân. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H yêu cầu ly hôn với anh Q.
- Về con chung: Chị H trình bày, Chị H và anh Q có ba con chung tên: Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/3/1990; Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/4/1992 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 24/7/1995. Hiện tại, ba cháu đều đã trưởng thành nên Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, Chị H yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết với anh Q, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị H trình bày là không có.

\* Theo Đơn tường trình, anh Nguyễn Phong Q trình bày ý kiến: Về quan hệ hôn nhân, anh Q không đồng ý ly hôn với Chị H, vì con và mẹ già của ông Quang không chịu nổi. Về con chung, anh Q không có ý kiến. Về tài sản chung của anh chị, anh Q trình bày không có, chỉ có đất là của cha mẹ ruột anh Q cho; tiền cất nhà là của cha mẹ, anh chị em và con cho.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Phong Q. Anh Q có địa chỉ cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định: quan hệ tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đối với anh Nguyễn Phong Q, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định tại Điều 173, Điều 174 của Bộ luật tố tụng dân sự; nhưng anh Q không tham gia phiên tòa; Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét, Chị H và anh Q tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang vào ngày 07/8/1998 nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Chị Nguyễn Thị H trình bày: Trong thời gian chung sống, cuộc sống hôn nhân của Chị H và anh Q có nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn phát sinh phát sinh vào đầu năm 2017 và kéo dài không giải quyết được. Chị H và anh Q đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Theo đơn tường trình, anh Q không đồng ý ly hôn, với lý do vì con và mẹ già không chịu nổi; nhưng anh Q không thể hiện thiện ý gì đối với mối quan hệ vợ chồng của anh chị, cũng như không nêu được giải pháp hàn gắn mâu thuẫn chung với Chị H. Từ đó Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung của vợ chồng Chị H và anh Q thực tế

không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H, cho Chị H được ly hôn với anh Q.

[2.3] Về con chung, Chị H và anh Q có ba con chung tên: Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/3/1990; Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/4/1992 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 24/7/1995. Hiện tại, cả ba con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: do Chị H và anh Q không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị H và anh Q đều trình bày là không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Phong Q.

2/ Về con chung, Chị H và anh Q có ba con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/3/1990; Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/4/1992 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 24/7/1995, tất cả đều đã trưởng thành và có khả năng tự lao động được nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết, do Chị H và anh Q chưa có yêu cầu.

4/ Về nợ chung: Tòa án không giải quyết.

5/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003552 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; nên Chị H đã nộp đủ án phí.

6/ Quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Phong Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ

ngày cấp, tổng đạt bản án hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- UBND xã Song Thuận,  
H.Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Đỗ Thị Minh Nguyệt